TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 198/2019/HNGĐ-ST Ngày 22-11-2019 V/v ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Minh Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đăng Khoa

Bà Nguyễn Thị Mai Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hương Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 234/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2019 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4375/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị A, sinh năm 1969; nơi ĐKHKTT: Số 20 B, tổ 4 Khu C, phường D, quận E, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Số nhà 15/2 đường G, Matxcova, Liên bang Nga; vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1964; nơi ĐKHKTT: Số 20 B, tổ 4 Khu C, phường D, quận E, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Số nhà 47 đường I, Matxcova, Liên bang Nga; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn nộp ngày 25-10-2019, bản tự khai và các văn bản khác nguyên đơn là chị Vũ Thị A trình bày:

Chị A và anh Hoàng Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Đại sứ quán Việt Nam tại Liên Xô (nay là Liên bang Nga) ngày 02-8-1991. Sau khi kết hôn, chị A và anh H chung sống tại Liên Xô. Quá trình chung sống, chị A và anh H phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể khắc phục dẫn đến tình cảm vợ chồng

ngày càng phai nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị A đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh H.

Tại bản tự khai ngày 14-11-2019 và các văn bản khác - bị đơn anh Hoàng Văn H trình bày:

Anh Hoàng Văn H xác nhận mối quan hệ giữa chị A, anh H được xác lập như chị A trình bày. Sau khi kết hôn, anh H, chị A chung sống tại Liên Xô một thời gian thì về Việt Nam sinh sống, nhưng do cuộc sống khó khăn nên vợ chồng lại quay trở lại Liên bang Nga. Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, không thể khắc phục nên hai bên đã sống ly thân từ năm 2009. Nay chị A có yêu cầu ly hôn, anh H thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý.

Về quan hệ nuôi con chung: Chị A và anh H xác nhận có 02 con chung là: Hoàng Vũ Mai K, sinh ngày 08-02-1996 và Hoàng Gia L, sinh ngày 01-9-2006. Con chung Hoàng Vũ Mai K đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn, chị A và anh H thống nhất để chị A trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hoàng Gia L đến khi trưởng thành. Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung chị A, anh H đều thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung: Chị A, anh H thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Anh H giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại các văn bản có trong hồ sơ.

Chị A đề nghị xét xử vắng mặt và cam kết không kháng cáo bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Quan hệ tranh chấp của vụ án về việc ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 và Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Do điều kiện ở xa, không thể có mặt trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án nên chị A có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Đề nghị của chị A phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử vụ án vắng mặt chị A.

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh H kết hôn do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Đại sứ quán Việt Nam tại Liên Xô ngày 02-8-1991 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng những năm đầu hòa thuận, nhưng kể từ năm 2006 phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân chính là do tính cách và quan điểm sống không còn phù hợp. Kể từ năm 2009 đến nay, anh H và chị A đã sống ly thân. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không còn khả năng khắc phục, tình cảm vợ chồng không còn, hai bên đã sống ly thân nhiều năm nay nên cả anh H và chị A đều thống nhất ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm về việc ly hôn của chị A, anh H là tự nguyện; phù hợp với tình trạng thực tế mối quan hệ giữa họ và phù hợp với quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

[4] Về quan hệ nuôi con chung: Chị A và anh H xác nhận quá trình chung sống có hai con chung là: Hoàng Vũ Mai K, sinh ngày 09-02-1996 và Hoàng Gia L, sinh ngày 01-9-2006. Con chung Hoàng Vũ Mai K đã thành niên, các đương sự không yêu cầu nên không đặt vấn đề giải quyết. Ly hôn, anh H và chị A thống nhất để chị A trực tiếp nuôi con chung Hoàng Gia L, sinh ngày 01-9-2006. Quan điểm của anh H, chị A về việc nuôi con phù hợp nhau, phù hợp với nguyện vọng của con chung và phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận. Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung, các bên thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết. Anh H có quyền thăm nom con, chị A không được cản trở anh H thực hiện quyền này - Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Chị A, anh H thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: Chị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật - Điều 146; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 146, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị A được ly hôn với anh Hoàng Văn H.

2. Về quan hệ nuôi con chung: Giao con chung là Hoàng Gia L, sinh ngày 01-9-2006 cho chị Vũ Thị A được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung, các bên thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

Anh Hoàng Văn H có quyền thăm nom con, chị Vũ Thị A không được cản trở anh Hoàng Văn H thực hiện quyền này. Anh Hoàng Văn H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về quan hệ tài sản chung: Chị Vũ Thị A và anh Hoàng Văn H tự thỏa thuận không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Vũ Thị A phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0008435 ngày 28 tháng 10 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Vũ Thị A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án, anh Hoàng Văn H có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Trong thời hạn01 tháng (Một tháng) kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ,chị Vũ Thị A có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Đại sứ quán Việt Nam tại Liên bang Nga;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Minh Phương